

CHÍNH SÁCH KINH TẾ CỦA INDONESIA TRONG NHIỆM KỲ ĐẦU TIÊN CỦA TỔNG THỐNG JOKO WIDODO (2014 - 2019)

TS. NGUYỄN TUẤN ANH*

Tóm tắt: Tổng thống Joko Widodo lên nắm quyền năm 2014 với những thách thức to lớn cả về chính trị, kinh tế và xã hội. Trong bối cảnh này, chính quyền Jokowi đã sử dụng các chính sách tài chính - tiền tệ và tài khóa để có thể ứng phó với các rủi ro từ sự bất ổn và biến động khó lường từ kinh tế toàn cầu. Trong khi đó, để nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, chính quyền Jokowi tập trung theo đuổi chiến lược đẩy nhanh phát triển cơ sở hạ tầng, thường được gọi là 'Jokowinomics'. Bài viết chỉ ra rằng những chính sách của chính quyền Jokowi trong nhiệm kỳ đầu tiên đã góp phần duy trì ổn định kinh tế vĩ mô và cải thiện đáng kể môi trường kinh doanh. Tuy nhiên, những kết quả này có thể chỉ đạt được trong ngắn hạn và chính quyền Jokowi vẫn chưa giải quyết được các yếu kém nền tảng của Indonesia do những rào cản về chính trị và kinh tế. Đây sẽ tiếp tục là thách thức lớn nhất đối với chính quyền Jokowi để thực hiện cải cách kinh tế trong nhiệm kỳ thứ hai.

Từ khóa: *Jokowinomics, Indonesia, chính sách kinh tế.*

1. Những vấn đề đặt ra với Indonesia khi Tổng thống Jokowi lên nắm quyền

Về kinh tế, như nhiều quốc gia khác trong khu vực Đông Nam Á, kinh tế Indonesia cũng bị tác động tiêu cực từ sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008. Điều này có thể thấy rõ qua một số chỉ số kinh tế vĩ mô. Thứ nhất, tăng trưởng kinh tế thiếu ổn định, đặc biệt giảm mạnh ở cuối nhiệm kỳ Tổng thống Susilo Bambang Yudhoyono (SBY). Cụ thể,

tốc độ tăng trưởng GDP của Indonesia đã giảm từ 6,5% năm 2011 xuống còn 5,6% năm 2013, và chỉ còn 5,1% ở Quý 1/2014⁽¹⁾. Thứ hai, tình hình xuất khẩu của Indonesia cũng bị thiệt hại nặng nề do nhu cầu của các thị trường xuất khẩu lớn nhất như Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản sụt giảm. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu giảm mạnh từ 14,8% năm 2011 xuống 4,2% năm 2013 và chỉ ở mức 3,2% ở Q1/2014. Hệ quả là, cán cân vãng lai đã chuyển từ thặng dư ở mức 5.144 triệu USD năm 2010 sang thâm

hụt ở mức 24.418 triệu USD từ năm 2012 và đạt mức thâm hụt cao nhất là 29.115 triệu USD năm 2013. Thứ ba, lạm phát của Indonesia liên tục tăng, tạo ra thách thức đối với chính quyền mới trong đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô. Chỉ số lạm phát đã tăng từ 3,8% năm 2011 lên 8,4% năm 2013 và 7,3% Q1/2014⁽²⁾. So với các đồng tiền khác trong khu vực, đồng Rupiah bị mất giá mạnh nhất so với đồng USD, từ mức giao dịch 8.776 Rp/USD năm 2011 xuống mức 10.455 Rp/USD năm 2013 và rơi xuống 11.833 Rp/USD ở Q1/2014⁽³⁾. Những diễn biến này đã tác động tiêu cực tới mức tiêu dùng hộ gia đình – trụ cột quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế của Indonesia và đồng thời niềm tin của các nhà đầu tư.

Về chính trị, chính quyền Jokowi phải chịu sức ép to lớn từ các nhóm lợi ích khác nhau bao gồm: Đảng Dân chủ - Đấu tranh Indonesia (PDI-P), các đảng phái liên minh, các bộ ngành, chính quyền các khu vực, các hiệp hội kinh doanh, tổ chức công đoàn... Đặc biệt, trong bối cảnh kinh tế suy yếu, nhiều cuộc biểu tình lớn đã diễn ra để tạo áp lực với chính phủ nhằm đưa ra hỗ trợ các ngành công nghiệp trong nước và bảo đảm việc làm cho người dân Indonesia, nhất là trong các ngành sử dụng nhiều lao động như may mặc, da giày, điện tử và khai thác mỏ... Bên cạnh đó, chính quyền Jokowi cũng phải đối mặt với tình trạng tham nhũng tràn lan do chính quyền SBY để lại. Chỉ số tự do chính trị của Indonesia đã chuyển từ mức “Tự do” năm 2013 xuống còn “Tự do một phần” năm 2014⁽⁴⁾.

Về xã hội, chính quyền Tổng thống Jokowi lên nắm quyền trong bối cảnh bất bình đẳng và nghèo đói vẫn chưa được cải

thiện. Điều này có thể thấy qua việc hệ số Gini đã tăng từ 0,35-0,4 lên 0,41 sau 2 nhiệm kỳ cầm quyền của SBY⁽⁵⁾. Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn tới kết quả này đó là việc chính quyền SBY vẫn tiếp tục duy trì chính sách trợ cấp nhiên liệu, trong khi đó ngân sách đầu tư vào các lĩnh vực xã hội quan trọng khác như cơ sở hạ tầng và giáo dục bị hạn chế. Chỉ tiêu cho các chương trình bảo trợ xã hội vẫn rất thấp so với các nước trong khu vực, chỉ chiếm 1,2% GDP, so với Đông Timor (5,9%), Việt Nam (4,7%), Malaysia (3,7%) và Thái Lan (3,6%)⁽⁶⁾.

2. Một số chính sách kinh tế chính của chính quyền Jokowi

2.1. Chính sách tài chính – tiền tệ

Để đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, đặc biệt là duy trì ổn định của đồng Rupiah và lạm phát, chính phủ và Ngân hàng trung ương (NHTW) Indonesia (BI) tập trung chủ yếu vào chính sách tiền tệ, thông qua triển khai đồng bộ một loạt các biện pháp khác nhau, bao gồm: chính sách lãi suất, tỷ giá hối đoái, tham gia vào Mạng lưới An toàn Tài chính toàn cầu (GFSN). Mục tiêu của các biện pháp này là duy trì năng lực cạnh tranh của thị trường tài chính trong nước và đồng thời giữ mức thâm hụt tài khoản vãng lai trong phạm vi an toàn.

Về chính sách lãi suất, BI tiến hành điều chỉnh lãi suất một cách linh hoạt nhằm đảm bảo mục tiêu lạm phát của chính phủ đề ra. Trong giai đoạn 2016-2017, khi thấy các điều kiện lạm phát và thâm hụt tài khoản vãng lai ở mức cho phép, BI thực hiện chính sách nới lỏng tiền tệ nhằm hỗ trợ cho quá trình phục hồi nền kinh tế. Cụ thể, BI đã tiến hành

cắt giảm lãi suất chính sách với 150 điểm phần trăm năm 2016 và 50 điểm phần trăm năm 2017, xuống còn mức 4.25%⁽⁷⁾. Tuy nhiên, khi điều kiện tài chính toàn cầu trở nên bất ổn hơn vào năm 2018, nhất là khi FED tăng lãi suất ở Mỹ, BI đã chủ động điều chỉnh tăng lãi suất với tổng cộng 175 điểm phần trăm để có thể duy trì tính cạnh tranh của thị trường tài chính và kiểm soát tỷ giá cũng như đảm bảo mục tiêu lạm phát 3.5±1% mà chính phủ đề ra⁽⁸⁾.

Về chính sách tỷ giá hối đoái, chính phủ và BI tiếp tục duy trì cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi tự do để ứng phó với các cú sốc từ bên ngoài. Đồng thời, BI bổ sung một số điều chỉnh nhằm nâng cao khả năng quản lý thanh khoản các đồng ngoại tệ, từ đó hạn chế các biến động tỷ giá và hỗ trợ mục tiêu lạm phát.

Về phát triển Mạng lưới An toàn Tài chính toàn cầu (GFSN), để ứng phó với các rủi ro bên ngoài, BI cũng tăng cường phát triển GFSN qua việc hợp tác tài chính với các tổ chức/cơ quan tiền tệ của các quốc gia trong khu vực và quốc tế. Nhờ đó, BI có thể giải quyết các thách thức về cân cán thanh toán hay các nhu cầu thanh khoản ngắn hạn. Ở cấp độ song phương, hiện nay BI có thỏa thuận hợp tác với NHTW Nhật Bản (BOJ), NHTW Trung Quốc (PBOC), Cơ quan Tiền tệ Singapore (MAS), NHTW Hàn Quốc (BOK), NHTW Australia. Ở cấp độ khu vực, Indonesia tham gia vào Thỏa thuận Hoán đổi tiền tệ ASEAN (ASEAN Swap Arrangement) và Sáng kiến Đa phương Chiang Mai (CMIM)⁽⁹⁾.

Chính quyền Jokowi cũng nỗ lực đẩy mạnh phát triển thị trường tài chính theo chiều sâu nhằm hỗ trợ cho mục tiêu tăng

trường kinh tế bền vững. Các cải cách thị trường tài chính tập trung vào cải cách cơ cấu, cải thiện môi trường kinh doanh cho các ngân hàng thương mại. Đáng chú ý trong giai đoạn này, chính phủ Indonesia cùng với BI đã đưa ra Chiến lược Phát triển sâu rộng Thị trường tài chính quốc gia (SN-PPPK) từ năm 2016 với tầm nhìn phát triển thị trường tài chính sâu rộng, có tính thanh khoản cao và hiệu quả, an toàn⁽¹⁰⁾. Trong giai đoạn qua, chính phủ tập trung vào một số ưu tiên chiến lược: (i) tăng cường mức độ tham gia của người vay và cho vay; (ii) cải thiện hiệu quả thị trường, bao gồm cơ sở hạ tầng thị trường tài chính; (iii) cải thiện khung pháp lý và năng lực của các chủ thể tham gia thị trường. Năm 2018, BI tập trung vào cải thiện hiệu quả của thị trường tiền tệ và ngoại hối như: xây dựng các công cụ phòng ngừa rủi ro tính vi hơn, các thị trường sản phẩm phái sinh lãi suất và ngoại hối⁽¹¹⁾. Indonesia cũng phát triển hệ thống thanh toán điện tử ra nhiều khu vực, đồng thời xây dựng cổng thanh toán quốc gia (NPG) và phát triển lĩnh vực công nghệ tài chính (fintech) để đảm bảo các giao dịch an toàn và hiệu quả hơn. Ngoài ra, BI cũng đưa ra các quy định pháp lý mới nhằm đẩy mạnh thị trường tài chính sharia⁽¹²⁾.

2.2. Chính sách thúc đẩy năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

Bên cạnh các chính sách tức thời nhằm ứng phó lại với các rủi ro từ bên ngoài, chính quyền Jokowi trong nhiệm kỳ đầu tiên cũng đã đưa ra được một số chính sách nhằm khắc phục các yếu kém về mặt cơ cấu nền kinh tế. Một số chính sách chính mà chính quyền Jokowi trong nhiệm kỳ đầu áp dụng là: chiến lược phát triển cơ sở

hạ tầng, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển ngành du lịch.

Chiến lược thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng (thường được gọi là Jokowiomics): Đây là một trong những điểm nhấn trong chính sách kinh tế của chính quyền Jokowi trong nhiệm kỳ đầu tiên. Chính quyền của ông đưa ra các dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng theo Chương trình Nawa Cita⁽¹³⁾. Theo đó, Indonesia có kế hoạch xây mới khoảng 2.650 km đường bộ và thực hiện nâng cấp, bảo trì hơn 46.770 km đường bộ hiện có, xây dựng 15 sân bay, 24 cảng biển mới và hơn 3.000 km đường sắt. Trong các lĩnh vực nông nghiệp và năng lượng, Indonesia dự kiến xây dựng 49 đập thủy điện mới. Trong ngành dầu mỏ và khí đốt, chính phủ có kế hoạch xây dựng 2 nhà máy lọc dầu với công suất 300.000 thùng/ngày⁽¹⁴⁾.

Để theo đuổi chiến lược Jokowiomics, chính quyền Jokowi thiết lập Ủy ban Xúc tiến các dự án cơ sở hạ tầng ưu tiên (KPPIP) để lựa chọn các dự án chiến lược quốc gia (National Strategic Projects hay NSP) và tạo điều kiện đẩy nhanh triển khai các dự án này. Trong giai đoạn 2016-2018, chính phủ đã lựa chọn ra 233 dự án NSP, rải đều ở 18 lĩnh vực khác nhau⁽¹⁵⁾. Tính tới hết năm 2018, có 62 dự án PSN đã được hoàn thành. Trong đó, nhiều sân bay, cảng, trạm điện, giao thông kết nối khu vực nông thôn với khu vực trung tâm⁽¹⁶⁾. Đặc biệt, Indonesia lần đầu tiên đưa hệ thống tàu điện ngầm vào sử dụng tháng 3/2019 và hiện đang xây dựng tuyến tàu điện ngầm thứ hai⁽¹⁷⁾.

Về phát triển du lịch, chính quyền Jokowi chú trọng tới lĩnh vực du lịch ngay từ đầu nhiệm kỳ khi đề ra mục tiêu thu hút

20 triệu khách du lịch vào năm 2019 (trong khi ở thời điểm đó là 9 triệu du khách)⁽¹⁸⁾. Chính quyền Jokowi đã triển khai nhiều giải pháp khác nhau. Trong đó tái cơ cấu Bộ Du lịch và Kinh tế sáng tạo là một trong những cái cách quan trọng nhất trong lĩnh vực du lịch. Ngay sau khi Jokowi lên nắm quyền, Bộ này được chuyển tên thành Bộ Du lịch với chức năng và nhiệm vụ được thu hẹp lại, chỉ tập trung vào thúc đẩy phát triển du lịch thay vì phải đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác như tài trợ, sản xuất phim truyền, nghệ thuật và âm nhạc đặc trưng văn hoá Indonesia. Cùng với đó, ngân sách cấp cho Bộ cũng tăng lên đáng kể. Cụ thể ngân sách dành cho hoạt động quảng bá du lịch ở nước ngoài năm 2016 là khoảng 127 triệu USD, bằng ngân sách của cả Bộ năm 2014⁽¹⁹⁾.

Bên cạnh việc tái cơ cấu bộ máy, chính quyền Jokowi cũng thúc đẩy đa dạng hoá các địa điểm du lịch để tránh phát triển quá nóng ở Bali và đồng thời tạo lợi ích lan toả ra các khu vực khác. Cụ thể, chính phủ tập trung thúc đẩy quảng bá du lịch ở 4 địa điểm du lịch ưu tiên như: Labuan Bajo - cửa ngõ tới các đảo ở Komodo; ngôi đền Phật giáo Borobudur ở Magelang, miền trung Java di sản văn hoá thế giới được UNESCO công nhận; khu nghỉ dưỡng Mandalika; Hồ núi lửa lớn nhất thế giới Toba ở Bắc Sumatra. Chính quyền Jokowi nói lòng các yêu cầu nhập cảnh đối với du khách, đặc biệt miễn visa du lịch cho công dân của 45 nước năm 2014 và tăng lên 169 nước vào năm 2016⁽²⁰⁾. Cùng với đó, chính phủ cũng tạo thuận lợi pháp lý cho lĩnh vực kinh doanh khách sạn và nhà hàng, cho phép các nhà đầu tư nước ngoài có thể sở hữu 100%.

Về cải thiện môi trường kinh doanh, chính quyền Jokowi cũng nỗ lực tiến hành các cải cách pháp lý và thủ tục hành chính. Trong đó, chính phủ đã nới lỏng các thủ tục hành chính thông qua việc phát triển hệ thống cấp phép điện tử tích hợp (Online Single Submission hay còn gọi là OSS). Hệ thống OSS có thể kết nối các bộ ngành cấp trung ương với chính quyền ở các khu vực và Ủy ban Điều phối Đầu tư (BKPM) để xử lý nhanh chóng và kịp thời các đề án đầu tư²¹. Bên cạnh đó, chính quyền Jokowi cũng đưa ra các biện pháp nới lỏng các điều kiện kinh doanh, đầu tư, xuất khẩu và nhập khẩu qua cải cách thủ tục hải quan và cấp phép, đơn giản hóa yêu cầu cấp phép trong nhập khẩu các sản phẩm hoặc nguyên liệu thô.

3. Đánh giá chung và triển vọng kinh tế Indonesia trong giai đoạn tới

3.1 Một số thành tựu

Thứ nhất, một trong những kết quả quan trọng nhất mà chính quyền Jokowi đạt được trong nhiệm kỳ đầu tiên đó là duy trì được ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh kinh tế toàn cầu có nhiều bất ổn và diễn biến khó lường. Đặc biệt, mặc dù nền kinh tế chịu nhiều áp lực từ bên ngoài, song tình hình lạm phát luôn được duy trì ổn định và ở ngưỡng thấp trong phạm vi mục tiêu chính phủ đề ra. Cụ thể, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) chỉ ở mức 3.02% năm 2016 và 3.13% năm 2018, thậm chí ngay cả ở thời điểm CPI cao nhất cũng chỉ là 3.61% năm 2017 (so với mục tiêu chính phủ đề ra là $3.5 \pm 1\%$)²². Kết quả này có được là nhờ các giải pháp chính sách như đã đề cập ở trên, đặc biệt là sự nhất quán và phối hợp trong việc thực hiện chính sách tiền tệ cùng với các cải cách cơ cấu

nền kinh tế đã giúp kiểm soát lạm phát tốt hơn. Ngoài ra, còn một nguyên nhân nữa là do sự suy giảm giá cả hàng hoá, đặc biệt là thực phẩm cùng với nhu cầu ổn định làm áp lực lạm phát giảm xuống.

Thứ hai, tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nhiệm kỳ đầu của Jokowi luôn ổn định ở mức 5% trong bối cảnh kinh tế toàn cầu suy thoái²³, đặc biệt, đạt mức 5,17% năm 2018, cao nhất trong 5 năm qua. Indonesia cũng trở thành nền kinh tế có quy mô GDP 1 nghìn tỷ USD từ năm 2017. Mặc dù chưa đạt được như mục tiêu đưa ra đầu nhiệm kỳ (7%), song để có được mức tăng trưởng như vậy thì đây là thành quả của chính quyền Jokowi khi nền kinh tế giai đoạn này chịu nhiều tác động tiêu cực từ bên ngoài.

Thứ ba, hệ thống tài chính của Indonesia tiếp tục được duy trì ổn định, góp phần giúp nền kinh tế ứng phó tốt hơn với các tác động tiêu cực từ bên ngoài, đặc biệt là những điều chỉnh tăng lãi suất của FED trong năm 2018. Có một số ý kiến lo ngại rằng Indonesia có thể rơi vào khủng hoảng tài chính do sự mất giá khá mạnh của đồng Rupiah so với đồng USD do những điều chỉnh tăng lãi suất của FED ở Mỹ trong năm 2018. Tuy nhiên, có thể cho rằng hệ thống tài chính của Indonesia hiện nay đã mạnh hơn nhiều và ứng phó tốt hơn với các nhân tố bên ngoài so với thời điểm xảy ra cuộc khủng hoảng tài chính năm 1998. Điều này thể hiện qua các chỉ số hoạt động của hệ thống ngân hàng nêu trên. Cùng với đó, nhờ thực hiện chính sách tài khoá thận trọng, thâm hụt ngân sách của Indonesia năm 2018 đã giảm xuống còn ở mức 1,8 nghìn tỷ Rupiah, tương đương với 0,01%/GDP (so với mức

thâm hụt là 0,91%/GDP năm 2017). Điều này làm cho thâm hụt ngân sách năm 2018 chỉ còn 1,8%/GDP (so với mức 2,5%/GDP năm 2017)⁽²⁴⁾. Sự đảm bảo về nguồn dự trữ ngoại hối của chính phủ đã giúp ổn định trong hoạt động nhập khẩu và đồng thời tăng khả năng ứng phó với những rủi ro từ bên ngoài⁽²⁵⁾.

Thứ tư, môi trường kinh doanh của Indonesia được cải thiện đáng kể trong nhiệm kỳ đầu tiên của chính quyền Jokowi. Cụ thể, theo xếp hạng mới nhất của Ngân hàng thế giới (2019), chỉ số thuận lợi kinh doanh (EBDI) của Indonesia có sự cải thiện vượt bậc từ vị trí 120 năm 2014 lên vị trí thứ 73 năm 2018⁽²⁶⁾. Các chỉ số về dịch vụ hậu cần và tham nhũng của Indonesia cũng có nhiều cải thiện. Điều này cho thấy những nỗ lực của chính quyền Jokowi trong cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng đã mang lại hiệu quả.

3.2 Hạn chế, yếu kém

Thứ nhất, vấn đề việc làm tiếp tục là một trong những yếu kém mà chính quyền Jokowi vẫn chưa thể giải quyết được trong nhiệm kỳ đầu tiên. Chính phủ của ông gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện mục tiêu đề ra từ đầu nhiệm kỳ là tạo ra khoảng 3-4 triệu việc làm mới hàng năm. Trong khi đó, tỷ lệ thiếu việc làm chỉ cải thiện nhẹ, từ mức 5,9% năm 2014 xuống 5,3% năm 2018⁽²⁷⁾. Đây chính là cơ sở để đối thủ Prabowo Subianto đưa ra các chỉ trích chính quyền Jokowi về các chính sách tạo việc làm thiếu hiệu quả.

Thứ hai, mặc dù các chương trình trợ cấp xã hội tiếp tục được triển khai trong nhiệm kỳ đầu tiên, song vấn đề bất bình đẳng vùng miền và giữa các tầng lớp trong xã hội vẫn chưa được cải thiện rõ rệt.

Trong số các khu vực, khu vực Java vẫn đóng góp lớn nhất với mức 58,48% GDP; trong khi đó phần phía Đông rộng lớn Indonesia, bao gồm Kalimantan, Sulawesi, Maluku và Papua (chiếm 64% tổng diện tích quốc gia) chỉ đóng góp khoảng 16,8% GDP⁽²⁸⁾. Bên cạnh đó, tầng lớp trung lưu cũng là đối tượng hưởng lợi nhiều nhất từ thành quả tăng trưởng kinh tế chứ không phải là tầng lớp người nghèo trong nhiệm kỳ đầu tiên của Jokowi⁽²⁹⁾. Khách quan mà nói chính quyền Jokowi đã nỗ lực để mở rộng các chương trình trợ cấp xã hội, song quy mô và nguồn lực phân bổ cho các chương trình này còn khá hạn chế so với các quốc gia khác có mức độ phát triển tương đương. Cụ thể, ngân sách dành cho trợ cấp xã hội của Indonesia chỉ chiếm khoảng 0,7% GDP, ít hơn so với mức trung bình của các nước có mức thu nhập trung bình thấp (1,5% GDP)⁽³⁰⁾. Điều này cho thấy chính quyền Jokowi chưa có cải cách đột phá nào nhằm giải quyết vấn đề này.

Thứ ba, mặc dù chủ trương theo đuổi chính sách 'Jokowinomics' là đúng đắn, song mục tiêu quá tham vọng của chính quyền Jokowi có thể dẫn tới hệ quả khó lường. Chính quyền Jokowi thiếu sự chuẩn bị cho một chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng có tính khả thi trong điều kiện ngân sách hạn chế. Chi tiêu ngân sách vào phát triển các dự án cơ sở hạ tầng tăng lên đáng kể, chiếm tới 19,4% ngân sách chính phủ năm 2017, tăng hơn gấp đôi so với năm 2013 (9,4%)⁽³¹⁾. Trong khi đó, thu ngân sách từ thuế vào hàng thấp nhất trong khu vực. Chính quyền Jokowi phải tìm kiếm các nguồn vay từ bên ngoài, trong đó bao gồm Sáng kiến Vành đai con đường của Trung Quốc để tài trợ phát triển cơ sở hạ tầng. Theo thống kê của BI (2018), nợ nước

ngoài của Indonesia luôn ở trên mức 30%/GDP và có xu hướng tăng lên qua nhiệm kỳ đầu tiên của Jokowi (từ 32,9% năm 2014 lên 36,2% năm 2018). Mặc dù vẫn thấp hơn ngưỡng an toàn đặt ra của quốc tế, song để có thể tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng theo chiến lược 'Jokowinomics' trong nhiệm kỳ tới, chính quyền Jokowi chắc chắn sẽ phải huy động nguồn vốn từ khu vực tư nhân cũng như nước ngoài. Điều này có thể làm gia tăng rủi ro nợ công với Indonesia.

Thứ tư, chính sách 'Jokowinomics' cũng cho thấy sự thiếu hiệu quả do quá trình triển khai có nhiều rào cản và hạn chế. Trong đó, mâu thuẫn về lợi ích nhóm quyền lực trong xã hội, đặc biệt là giới đầu sỏ chính trị, tướng lĩnh quân đội, lãnh đạo tôn giáo và giới lãnh đạo các tập đoàn quyền lực của nhà nước... là một trong những rào cản lớn nhất đối với bất cứ vị Tổng thống nào lên cầm quyền. Cựu Tổng thống Yudhoyono đã từng chia sẻ: *"... Indonesia là quốc gia rất khó để quản trị. Nếu muốn trở thành nhà lãnh đạo quốc gia này, bạn phải là người rất kiên nhẫn... Mỗi trường chính trị có nhiều rối ren trong khi kỳ vọng của người dân đặt ra lại rất lớn. Mọi người muốn các vấn đề cần phải được giải quyết ngay lập tức. Bạn phải lắng nghe họ nếu không muốn các cuộc biểu tình phản đối trên đường phố..."*^[32]

Trong nhiệm kỳ đầu tiên, Jokowi cũng đã phải tiến hành 2 lần cải tổ nội các nhằm thúc đẩy hiệu quả hoạt động của chính phủ và đẩy mạnh các cải cách kinh tế. Trong cuộc cải tổ nội các lần thứ nhất vào tháng 8/2015, ông đã thay thế và bổ nhiệm mới nhiều Bộ trưởng trong các ngành quan trọng như Bộ trưởng Điều phối Kinh tế, Bộ trưởng Thương mại...^[33]

Chỉ chưa đầy một năm sau đó, Jokowi đã phải tiếp tục tiến hành cải tổ nội các lần 2. Ngày 27/7/2016, Jokowi đã thay đổi 13 vị trí Bộ trưởng, trong đó 4 Bộ trưởng được chuyển sang các vị trí mới. Trong số 9 Bộ trưởng mới được bổ nhiệm, phần lớn thuộc các bộ liên quan đến lĩnh vực kinh tế như Bộ Tài chính, Thương mại, Công nghiệp, Năng lượng và tài nguyên khoáng sản và Nông nghiệp...^[34]

3.3 Một số nhận xét về triển vọng kinh tế Indonesia trong nhiệm kỳ thứ hai của Jokowi - thay cho lời kết

Chiến thắng của Jokowi trước đối thủ Prabowo Subianto trong cuộc bầu cử tổng thống ngày 17/4/2019 là nhân tố thuận lợi cho triển vọng kinh tế của Indonesia trong thời gian tới^[35]. Theo Hiến pháp của Indonesia, Tổng thống chỉ được phép giữ vị trí tối đa hai nhiệm kỳ. Do đó, chính quyền Jokowi sẽ có thêm 5 năm nữa để có thể tiếp tục triển khai các cải cách kinh tế của mình mà không phải quá bận tâm tới sức ép từ các lực lượng chính trị khác. Với tâm thế 'không có gì để mất' này, chính quyền Jokowi nhiều khả năng sẽ thực hiện cải cách một cách mạnh dạn và quyết đoán hơn trong nhiệm kỳ này.

Tuy nhiên, để chính quyền Jokowi có thể để lại dấu ấn nổi bật trong phát triển kinh tế sau khi kết thúc nhiệm kỳ cuối cùng không phải là điều dễ dàng. Giải quyết căn bệnh trầm kha, đặc biệt là nghèo đói và bất bình đẳng tiếp tục là thách thức lớn đối với chính quyền Jokowi. Quan trọng hơn, Jokowi vẫn rất khó để có thể vượt qua được các thách thức nền tảng về mâu thuẫn lợi ích giữa các thế lực chính trị trong xã hội Indonesia. Cũng cần chú ý là mặc dù Jokowi giành chiến thắng khá cách biệt với

tỷ lệ phiếu bầu 55,5% và 45,5%, song ông vẫn sẽ phải đối mặt với các thách thức do nhóm đối lập và những người ủng hộ Prabowo Subianto với hơn 68,7 triệu dân chúng Indonesia. Những yếu tố này sẽ tiếp tục là cản trở chính cho chính quyền Jokowi có thể tiến hành các cải cách cơ cấu lớn hơn trong nhiệm kỳ thứ hai. Ngoài ra, những bất ổn từ bên ngoài như suy thoái kinh tế toàn cầu, chiến tranh thương mại leo thang... sẽ tác động tiêu cực tới triển vọng kinh tế Indonesia trong nhiệm kỳ sắp tới của chính quyền Jokowi/.

CHÚ THÍCH

1. BI (2014), *Economic Report on Indonesia*, https://www.bi.go.id/en/publikasi/laporan-tahunan/perekonomian/Pages/lpi_2014.aspx
2. BI (2014), tldd.
3. BI (2014), tldd.
4. Mietzner (2012), *Indonesia's democratic stagnation: Anti-reformist elites and resilient civil society*, *Democratization* 19(2):209-229.
5. Lydia Napitupulu (2014), *The SBY years: A legacy of lackluster economy*, *The Jakarta Post*, <https://www.thejakartapost.com/news/2014/09/29/the-sby-years-a-legacy-lackluster-economy.html>
6. BI (2014), tldd.
7. BI (2017), *Economic Report on Indonesia*, https://www.bi.go.id/en/publikasi/laporan-tahunan/perekonomian/Pages/LPI_2017.aspx
8. BI (2018), *Economic Report on Indonesia*, https://www.bi.go.id/en/publikasi/laporan-tahunan/perekonomian/Pages/LPI_2018.aspx
9. BI (2018), tldd.
10. Chiến lược SN-PPPK được chia làm 3 giai đoạn: Giai đoạn 1 (2018-2019): xây dựng các nền tảng; Giai đoạn 2 (2020-2022): tăng cường; Giai đoạn 3 (2023-2024): phát triển sâu rộng. Nguồn: BI (2018), tldd.
11. BI ban hành quy định về giao dịch các sản phẩm phái sinh lãi suất bằng đồng rupiah trên thị trường tiền tệ thông qua áp dụng công cụ như hoán đổi chỉ số qua đêm (OIS) và hoán đổi lãi suất (IRS). Bank Indonesia Regulation No. 20/13/PBI/2018 (9/11/2018). BI cũng giới thiệu công cụ bảo hiểm rủi ro ngoại hối mới đó là: Giao dịch ngoại hối kỳ hạn không chuyển giao gốc (NDF) ngày 21/9/2018 nhằm thúc đẩy niềm tin của các nhà nhập khẩu, xuất khẩu và các nhà đầu tư tham gia vào hoạt động kinh tế. Ngoài ra, BI cũng bổ sung công cụ quyền lựa chọn mở rộng (call spread options - CSO) – hình thức kết hợp quyền mua và quyền bán để phòng ngừa các rủi ro tỷ giá. CSO và NDF là hai công cụ có thể tạo ra hướng tăng trưởng trong hoạt động phòng ngừa rủi ro.
12. Cụ thể, BI phát hành chứng chỉ tiền gửi sharia và Bank Indonesia sukuk (SukBI) nhằm cho phép các giao dịch được thực hiện thông qua các chứng chỉ này từ tháng 8/2018 (Bank Indonesia Regulation No. 20/9/PBI/2018).
13. Chính quyền Jokowi đưa ra Chương trình Nawa Cita bao gồm 9 chương trình phát triển (Nine Development Agendas) khi ông chính thức lên nắm quyền năm 2014. Chương trình tập trung vào các dự án xây mới và nâng cấp nhiều tuyến giao thông trọng điểm trong giai đoạn 2015-2019.
14. Thông tấn xã Việt Nam, *Tham vọng thúc đẩy kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng của Indonesia*, <https://bnews.vn/tham-vong-thuc-day-ke-hoach-phat-trien-co-so-ha-tang-cua-indonesia/92432.html>.
15. Nghị định số 56/2018 của chính phủ về Thúc đẩy phát triển các dự án chiến lược quốc gia.
16. BI, 2018, tldd.
17. Tuyến MRT đầu tiên kéo dài từ trung tâm thủ đô Jakarta đến phía Nam với khoảng thời gian chỉ 30 phút, thay vì phải mất khoảng 1,5 giờ để di chuyển bằng ô tô cá nhân. Tổng nguồn vốn đầu tư cho tuyến số 1 là 17.000 tỷ rupiah (1,2 tỷ USD). Tuyến thứ hai của cùng bắt đầu được khởi công

- trong ngày 24/3/2019 và sẽ hoàn tất vào năm 2024.
18. BI (2014), tldd.
 19. BI (2016), *Economic Report on Indonesia*, https://www.bi.go.id/en/publikasi/laporan-tahunan/perekonomian/Pages/LPI_2016.aspx
 20. BI (2017), tldd.
 21. Nghị định số 24/2018 của Chính phủ Indonesia về Dịch vụ cấp phép kinh doanh điện tử tích hợp.
 22. BI (2018), tldd.
 23. Adam Schwarz (2019), *Commentary: Post elections, it's full steam ahead on economic reform for Indonesia*, 25 May 2019, <https://www.channelnewsasia.com/news/commentary/post-indonesia-elections-agenda-joko-widodo-economic-reform-11538362>.
 24. BI (2018), tldd.
 25. Mức dự trữ ngoại hối của Indonesia đạt 120,7 tỷ USD ở cuối năm 2018, tương ứng với 6,5 tháng nhập khẩu.
 26. Chỉ số EBDI là chỉ số do Ngân hàng thế giới đưa ra nhằm đánh giá mức độ thực hiện của các quốc gia trong việc đảm bảo các quy định và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh. <https://www.doing-business.org/content/dam/doingBusiness/country/i/indonesia/IDN.pdf>
 27. BI (2018), tldd.
 28. Hải Ngọc (2019), *Vì sao Indonesia "áp ú" kế hoạch di chuyển thủ đô Jakarta?*, <https://bnews.vn/vi-sao-indonesia-ap-u-ke-hoach-di-chuyen-thu-do-jakarta-/124736.html>.
 29. Asep Suryahadi and Ridho Al Izzati (2019), *Commentary: Indonesia searches for that elusive broad based growth*, Channel News Asia, 17 March 2019, <https://www.channelnewsasia.com/news/commentary/indonesia-jokowi-inclusive-growth-benefit-middle-class-11286818>.
 30. Thông tấn xã Việt Nam (2019), *Hiệu quả từ chính sách phát triển kinh tế quốc gia của Indonesia*, <https://bnews.vn/hieu-qua-tu-chinh-sach-phat-trien-kinh-te-quoc-gia-cua-indonesia/114320.htm>
 31. Nguồn: BI (2017), tldd.
 32. Singapore Management University (2016), *SBY: Looking back on 10 years in charge*, <https://www.smu.edu.sg/perspectives/2016/05/25/sby-looking-back-10-years-charge>
 33. Cụ thể, ông Widodo đã bổ nhiệm cựu Thống đốc Ngân hàng Trung ương Darmin Nasution làm Bộ trưởng Điều phối Kinh tế và ông Tom Lembong, Giám đốc điều hành quỹ tư nhân Equity làm Bộ trưởng Thương mại. Ông Widodo cũng thay thế Bộ trưởng An ninh bởi ông Luhut Panjaitan, nguyên Chánh văn phòng Tổng thống. Bộ trưởng các vấn đề Hàng hải sẽ là ông Rizal Ramli và cựu Bộ trưởng Kinh tế Sofyan Djalil chuyển sang làm Giám đốc Cơ quan Kế hoạch phát triển. Thư ký Nội các mới sẽ là ông Pramono Anung. Xem thêm: Lê Chi (2015), *Tổng thống Joko Widodo bất ngờ cải tổ nội các*, <https://baquocte.vn/tong-thong-joko-widodo-bat-ngo-cai-to-noi-cac-19547.html>.
 34. Thu Hiền (2016), *Indonesia cải tổ Nội các thúc đẩy phát triển kinh tế*, <https://baquocte.vn/indonesia-cai-to-noi-cac-thuc-day-phat-trien-kinh-te-33390.html>
 35. Ủy ban bầu cử quốc gia Indonesia (KPU) ngày 21/5/2019 tuyên bố Tổng thống Jokowi giành chiến thắng trong cuộc bầu cử tổng thống. Cụ thể, liên minh tranh cử Jokowi-Ma'ruf Amin đã giành được sự ủng hộ ở 21 tỉnh với 85 triệu phiếu bầu (ứng với 55,5%), trong khi liên minh tranh cử Prabowo Subianto-Sandiaga Uno chỉ giành được 68 triệu phiếu (ứng với 44,5%). Kết quả bầu cử này đã ngay lập tức tác động tích cực tới nền kinh tế thông qua kênh tài chính. Thị trường chứng khoán tăng 2,32% ngay phiên đầu tiên sau khi bỏ phiếu. Đồng Rupiah cũng tăng 0,6% so với đồng USD, mức tăng mạnh nhất trong vòng 2 tháng. Cơ quan tín dụng quốc tế S&P nâng xếp hạng tín dụng của Indonesia từ mức BBB- lên mức BBB vào ngày 31/5/2019. Xem thêm: CNA, *S&P boosts Indonesia's credit rating after Widodo re-election*, <https://www.channelnewsasia.com/news/business/s-p-boosts-indonesia-s-credit-rating-after-widodo-re-election-11585416>.